

**Mục 5: CHỈ ĐÍCH PHÁP VIÊN TU**

**Đoạn 1: Phóng Hào Quang, Hiện Điềm Lành**

**Chánh văn:**

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở nơi tòa sư tử tọa, năm vóc đồng phóng ra hào quang báu, rọi xa trên đánh khắp mười phương Như Lai số như vi trần và trên đánh các vị Pháp vương tử, các vị Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia, năm vóc cũng đồng phóng ra hào quang báu, từ các thế giới, số như vi trần, đến rọi trên đánh Phật và trên đánh các vị Đại Bồ-tát và A-la-hán trong chúng hội, rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm, hào quang giao xen cùng nhau như lưới tơ báu. Cả trong đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều được tam muội Kim cương. Khi ấy, trời mưa hoa sen bách bảo màu xanh, màu vàng, đỏ, màu trắng xen lộn lẫn nhau, mười phương hư không hóa thành sắc bảy báu. Đất liền, núi sông của cõi Ta-bà này cùng một lúc không hiện ra, chỉ thấy vi trần quốc độ nơi mười phương hợp thành một giới, tiếng hát ca ngợi tự nhiên nổi lên.

**\* Chú thích:**

Trong đoạn này, Đức Phật Thích-ca và mười phương Như Lai đồng phóng hào quang giao xen như lưới tơ báu, rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, trời mưa hoa sen bách bảo đủ các màu sắc, mười phương hư không thành sắc thất bảo, mười phương thế giới hợp thành một thế giới, nổi lên tiếng ca ngợi công đức của Phật. Đó là điềm lành, chứng tỏ ba đời chư Phật đều đồng một pháp giới tánh, mười phương thế giới đều đồng một pháp giới tánh, chỉ do vọng tưởng hóa thành cách biệt, có lớn, có nhỏ, có một, có nhiều, có mê, có ngộ, nhưng sự thật vẫn luôn luôn viên dung, không có sai khác, cho đến loài hữu tình, vô tình cũng đều bằng bậc, không có sai khác. Tất cả đại chúng, được hào quang chư Phật soi đánh đầu, đều chứng được tam muội Kim cương, tức là tam muội như huyễn, là tam muội Thủ lăng nghiêm.

**Đoạn 2: Phật Bảo Bồ-Tát Văn-Thù Lựa Chọn Căn Viên Thông**

**Chánh văn:**

Khi ấy, Đức Như Lai bảo Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

- Ông hãy xét trong hai mươi lăm vị Đại Bồ-tát và A-la-hán thuộc bậc vô học mỗi người đều trình bày phương tiện hành đạo lúc đầu, đều nói về sự tu tập tánh viên thông chân thật, chỗ tu hành của các vị kia, thật không có hơn, kém, trước, sau gì khác nhau. Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ, thì trong hai mươi lăm pháp tu, pháp nào hợp

với căn cơ của ông ấy, lại sau khi Như Lai diệt độ rồi, chúng sinh trong cõi này vào thừa Bồ-tát, cầu đạo Vô thượng, thì do pháp môn phương tiện gì để được thành tựu hơn?

**\* Chú thích:**

Sau khi đại chúng đã nghe các vị Đại Bồ-tát và A-la-hán trình bày những phương tiện tu chứng đi đến thành đạo, Phật dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì Tôn giả A-nan và các chúng sinh trong cõi Ta-bà, lựa chọn pháp tu nào thích hợp hơn cả. Cả năm vị Thánh nhân đều chứng được tánh viên thông, các phương pháp tu hành của các Ngài, thật không gì gọi là hơn hay là kém, là nhanh hay là chậm, cho nên sự lựa chọn của Bồ-tát Văn-thù, cũng chỉ là sự lựa chọn theo cơ cảm hiện tiền mà thôi.

**Đoạn 3: Lựa Ra Những Căn Không Phải Viên**

**Chánh văn:**

**Chi 1:** Tán tán tánh giác vốn diệu và chỉ rõ mê vọng vốn không.

Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, vâng từ chỉ của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh nơi chân Phật, dựa vào uy thần của Phật, nói kệ đáp lại:

*Bản tánh biển giác khắp đứng lặng Tánh khắp  
đứng lặng vốn nhiệm mầu Bản minh chiếu ra hình đối  
tượng Lập tướng sở, bỏ mất bản minh*

*Do mê vọng, mà có hư không Nương hư  
không, lập thành thế giới Tư tưởng chăm chú thành  
cõi nước Hay biết mọi việc, là chúng sinh Hư không  
sinh ra trong đại giác Như một bọt nước sinh trong  
bể Các nước hữu lậu, như vi trần*

*Đều nương hư không, mà phát sinh Bọt nước  
diệt, vốn không hư không Huống nữa là hình tướng  
ba cõi.*

**Chi 2:** Nêu rõ phương tiện có mau chậm.

*Bản tánh xoay về, vốn không hai Phương tiện tu  
chúng có nhiều cách Cách nào cũng thông vào bản  
tánh Nói thuận, nghịch, chỉ là phương tiện Do hàng  
sơ tâm vào tam muội*

*Bên mau, bên chậm không đồng nhau.*

**Chi 3:** Lựa ra sáu trần.

*Vọng tưởng kết lại thành sắc trần Hay biết  
không thể thông suốt được Làm sao chính chỗ không  
thông suốt Tu hành lại được tánh viên thông?*

*Âm thanh xen lộn với lời nói Chỉ nương  
theo ý vị danh từ*

*Nếu một không trùm được tất cả Thì làm sao  
được tánh viên thông? Hương, chỉ lúc hợp, mới rõ  
biết Lúc rời cách thì vốn không có*

*Nếu sở giác, không được thường xuyên Thì làm  
sao được tánh viên thông?*

*Vị, không phải bản nhiên tự có Cần phải  
nếm mới biết có vị*

*Nếu giác quan, không thường duy nhất Thì làm  
sao được tánh viên thông?*

*Xúc do các vật chạm mà biết*

*Không chạm vật thì không thành xúc Khi hợp,  
khi ly, không nhất định*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Pháp, cũng  
có tên là nội trần Nương theo trần, tất phải có sở  
Năng sở, không viên dung nhập một Thì làm sao  
được tánh viên thông?*

**Chi 4:** Lựa ra năm căn.

*Cái thấy tuy rộng suốt rất xa*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Nhưng thấy trước mà không thấy sau Bốn bề  
còn thiếu mất một nửa*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Mũi có  
thở ra và thở vào*

*Chặng giữa hiện không có hơi thở Nếu không  
viên dung sự cách bức Thì làm sao được tánh viên  
thông?*

*Ngoài sở nhập, tánh nếm không thành Nhân các  
vị, mới thấy hay biết*

*Không có vị, rớt ráo không có*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Thân biết  
xúc với cảnh sở xúc*

*Đều có hạn, không phải cùng khắp Nếu không  
nhận tánh không bờ bến Thì làm sao được tánh viên  
thông? Ý căn xen với các loạn tưởng*

*Đứng lặng, rớt cuộc không thấy gì Nếu không  
thoát được các tưởng niệm Thì làm sao được tánh viên  
thông?*

**Chi 5:** *Lựa ra sáu thức.*

*Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần Gạn cùng  
vốn không có tự tướng Cả tự thể còn không nhất  
định*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Tâm nghe  
rỗng thấu cả mười phương Là do sức hoằng thệ bao  
la*

*Sơ tâm, không thể đến chỗ ấy*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Quán đầu  
mũi, vốn là duyên cơ Chỉ để thâm tâm được an trụ*

*Nếu cảnh quán, lại thành sở trụ Thì làm sao  
được tánh viên thông?*

*Thuyết pháp, diệu dụng các danh từ Cốt phải  
đã được khai ngộ được Nếu lời nói, không phải vô  
lậu*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Giữ giới,  
chỉ câu thúc cái thân Ngoài cái thân, lấy gì câu  
thúc Vốn không phải cùng khắp tất cả Thì làm sao  
được tánh viên thông? Thần thông, do túc tập từ  
trước Nào vướng gì ý thức phân biệt Tưởng niệm,  
không thoát ly sự vật Thì làm sao được tánh viên  
thông? Chi 6: *Lựa ra bảy đại.**

*Nếu quán cái tánh của địa đại*

*Mà nó ngăn ngại, không thông suốt Là pháp  
hữu vi không chân tánh*

*Thì làm sao được tánh viên thông? Nếu quán  
cái tánh của thủy đại Quán tưởng, đâu phải là  
chân thật Nếu không đi đến diệu chân như Thì làm  
sao được tánh viên thông? Nếu quán hỏa đại, trừ*

*dâm dục Chán cái đó, không phải thật ly Phương tiện, không hợp với sơ tâm Thì làm sao được tánh viên thông? Nếu quán cái tánh của phong đại Động, tĩnh, đâu phải không đối đãi Đối đãi, trái với vô thượng giác Thì làm sao được tánh viên thông? Nếu quán cái tánh không đại*

*Hư không vô tri, không hay biết Không biết, khác hẳn với Bồ-đề Thì làm sao được tánh viên thông? Nếu quán cái tánh của thức đại Thức sinh diệt, đâu phải thường trụ Để tâm trong phân biệt hư vọng Thì làm sao được tánh viên thông? Tất cả các hành đều vô thường*

*Tưởng niệm, vốn trong vòng sinh diệt Nhân và quả, khác nhau như thế*

*Thì làm sao được tánh viên thông?*

**\* Chú thích:**

**Chi 1:** *Tán thán tánh giác vốn diệu và chỉ rõ mê vọng vốn không.* Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lãnh từ chỉ của Phật, dựa vào uy thần của Phật, nói bài kệ để đáp lại. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là hiện thân của trí Bát nhã, nhận rõ căn cơ của chúng sinh mà phương tiện hóa độ, Bồ-tát dựa vào thần lực của Phật, lựa chọn đường tu cho những căn cơ hiện tiền, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát đều dựa vào thần lực của Phật mà làm

Phật sự, thì Phật sự mới được viên mãn.

Hai câu kệ “Bản tánh biển giác khắp đứng lặng, tánh khắp đứng lặng vốn nhiệm mầu”, chỉ rõ tánh giác rộng sâu như bể, không có lay động, không có tạp nhiễm, nên thường đứng lặng, tánh giác lại trùm khắp pháp giới, đầy đủ tất cả các sự vật, ra ngoài các danh tướng chân, vọng, mê, ngộ nên gọi là cùng khắp. Bản tánh của biển giác cùng khắp,

đầy đủ, đứng lặng như thế, lại rất nhiệm mầu, duyên khởi ra tất cả sự vật như huyễn như hóa, nhưng, tất cả những sự vật ấy đều là cảnh giới không nghĩ bàn, không sai khác.

Hai câu kệ sau “Bản minh chiếu ra hình như sở, lập tướng sở bỏ mất bản minh” chỉ tánh bản giác là sáng suốt, chứ không phải như những vật vô tri. Tánh sáng suốt ấy vẫn nhiệm mầu, chiếu ra thành cảnh giới, đó là tánh bản minh. Tánh bản minh hiện ra cảnh giới, thì cảnh giới tức là tánh bản minh, không có sai khác, không có gì đáng gọi là năng, không có gì đáng gọi là sở. Nếu không nhận được tánh bản minh chiếu ra, thành cảnh giác, lập cảnh giới, thành tướng sở minh, thì lại lầm tánh bản minh là năng minh, do đó bỏ mất thật tánh của bản minh bao trùm tất cả, không có năng, sở. Chính cái nhận thức mê lầm này là cội gốc sinh ra tất cả các sự mê lầm khác, vì thế nên gọi nó là căn bản vô minh.

Bốn câu “Do mê vọng mà có hư không, nương hư không lập thành thế giới, tư tưởng chăm chú thành cõi nước, hay biết mọi việc là chúng sinh” nghĩa là đồng một giác tánh, lại chia ra có năng, có sở, thì lúc chưa phân biệt chỉ thấy có hư không, lúc phân biệt lại thành có thế giới. Do cố chấp thật có cảnh vật ngoài giác tánh, chấp mãi không thôi, lớp trước, lớp sau gắn chặt với nhau, nên thành ra hình tướng các cõi nước và những luồng tâm niệm nhận biết các sự vật, theo mỗi mỗi nghiệp gọi là chúng sinh. Tâm niệm sinh rồi lại diệt, diệt rồi

lại sinh, thay đổi mãi mãi, song, vì tâm niệm phát khởi liên tục, theo hiện nghiệp của mỗi loài, trong một thời gian nhất định, nên chúng sinh lầm nhận thật có cái ta cùng với cái ta ấy mà luân hồi sống chết. Nhưng dầu quanh quẩn trong vòng sinh diệt, chúng sinh luôn luôn có giác tánh thường trụ, chỉ cần diệt trừ những nhận thức mê lầm, thì trực nhận được giác tánh mà thôi.

Sáu câu “Hư không sinh ra trong đại giác, như một bọt nước sinh trong bể, các nước hữu lậu như vi trần, đều nương hư không mà phát sinh, bọt nước diệt vốn không hư không, huống nữa là hình tướng ba cõi”, nghĩa là, giác tánh trùm khắp mười phương ba đời, ra ngoài thời gian và không gian, chỉ do nhất niệm bất giác chia ra năng, sở, mới thành có hư không. Hư không không sinh ra như thế, chẳng khác gì một bọt nước nổi lên trên bể cả, thật là nhỏ bé so với giác tánh vô lượng vô biên. Hư không không có hình tướng, đối với cái không có hình tướng đó, các nước hữu lậu có hình, có tướng, như số vi trần mới hiện ra. Nếu nhất niệm bất giác được diệt trừ, thì vốn không có hư không, làm gì có

những Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đối diện với hư không? Chừng ấy bọt nước tiêu diệt, bể cả vẫn mênh mông rộng lớn, không vì bọt nước mà thành nhỏ bé, cũng không vì sinh ra nhiều bọt nước mà có thay đổi.

**Chi 2:** *Nêu rõ phương tiện có mau chậm.*

Sáu câu “Bản tánh xoay về vốn không hai, phương tiện tu chứng có nhiều cách, cách nào cũng thông vào bản tánh, nói thuận nghịch chỉ là phương tiện, do hàng sơ tâm vào Tam muội, bên mau bên chậm không đồng nhau” nghĩa là, tất cả các pháp môn tu hành đều là những phương tiện để xoay về trực nhận giác tánh. Giác tánh vốn không hai, nhưng phương tiện xoay về giác tánh thì nhiều, tất cả các phương tiện tu hành của hai mươi lăm vị Thánh nhân đều đi đến thật chứng giác tánh, không có hơn kém. Vì thế, nên dầu nói thuận, hay là nghịch, cũng chỉ là phương tiện do các hàng sơ tâm tu chứng tam muội Thủ lăng nghiêm, theo phương pháp này hoặc theo phương pháp khác, thì kết quả người mau, kẻ chậm không đồng nhau.

**Chi 3:** *Lựa ra sáu trần.*

Bốn câu “Vọng tưởng kết lại thành sắc trần, hay biết không thể thông suốt được, làm sao chính chỗ không thông suốt, tu hành lại được tánh viên thông?”, cốt để chỉ rõ chỗ khó khăn của hàng sơ tâm trong lúc tu chứng về sắc trần. Sắc trần do vọng tưởng kết lại mà thành, có tánh ngăn ngại, không thông suốt. Tôn giả Ưu-ba-ni-sa-đà quán sắc trần tan rã, cho đến vi trần, rồi chia chẻ vi trần thành ra hư không, sắc đã thành không thì không không khác sắc, do đó, chứng được tánh sắc, tức là chân không, tánh không tức là chân sắc, vào được tánh viên thông, không còn ngăn ngại, Bồ-tát Văn-thù nhận thấy bản tánh của sắc trần là ngăn ngại, không phải thông suốt, hàng sơ tâm khó bề do sắc trần mà vào được tánh viên thông, nên lựa bỏ cho là không thích hợp.

Bốn câu “Âm thanh xen lộn với lời nói, chỉ nương theo ý vị danh từ, nếu một không trùm được tất cả, thì làm sao được tánh viên thông?” cốt để chỉ rõ về Tôn giả Kiều-trần-na, nương theo lời nói của Phật mà ngộ đạo, nhưng lời nói xen lộn nhiều danh từ, nếu chỉ phân biệt danh từ làm sao mà ngộ đạo được. Song, âm thanh không chỉ là lời nói, âm thanh còn là thanh trần, hiện ra khi động, khi tĩnh trong tánh nghe. Tôn giả Kiều-trần-na theo nghĩa lý của Phật dạy, quán bản tánh của âm thanh duyên khởi như huyễn, không có tự tánh, giác ngộ tánh chung của các thanh trần và của các sự vật, nên vào được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu chứng về thanh trần, thường mắc vào các danh từ, không

nhận

được bản tánh viên dung cùng khắp, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ, cho là không thích hợp.

Bốn câu sau “Hương chỉ lúc hợp mới rõ biết, lúc rời cách thì vốn không có, nếu sở giác không được thường xuyên, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Đồng tử Hương Nghiêm khi nghe mùi thơm, ngộ được bản tánh của các sự vật, đều duyên khởi như huyễn, không có gì là đi, là lại, là sinh, là diệt, nên chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu chứng về hương trần, tất nhiên gặp nhiều khó khăn, vì hương trần khi có, khi không, không phải thường xuyên, do đó, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Vị không phải bản nhiên tự có, cần phải nếm mới biết có vị, nếu giác quan không thường duy nhất, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, vị trần đối với căn thiện mà thành có, nếu không có căn thiện biết nếm vị, thì các vị không thể thành lập được. Các Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng do quán bản tánh của vị trần, theo nhân duyên mà biến hiện, không phải có, không phải không, không phải tức là thân tâm, do đó, ngộ được bản tánh của sự vật đều như huyễn, không có tự tánh và chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu chứng về vị trần, chắc sẽ gặp nhiều khó khăn, vì vị trần là pháp đối đãi, là pháp sinh diệt, do phân biệt căn là năng tri, trần là sở tri, thì không thể chứng vào tánh viên thông, do đó, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Xúc do các vật chạm mà biết, không vật chạm thì không thành xúc, khi hợp khi ly không nhất định, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Bạt-đà-bà-la nhân xúc trần mà ngộ được pháp Phật không làm cho tâm tánh thanh tịnh, vì tâm tánh bản lai vẫn là thanh tịnh, pháp Phật cũng không làm cho phiền não mê lầm thành thanh tịnh, vì bản tánh nó là nhiễm ô, nhưng pháp Phật là phương tiện tách rời tâm tánh với phiền não mê lầm, do đó, Tôn giả phá trừ pháp chấp, chứng được tánh viên thông. Nhưng xúc trần khi hợp thì có, khi ly thì không, không phải thường, không phải một. Hàng sơ tâm quán về xúc trần, khó viên dung được năng sở, rời bỏ được ly hợp, để chứng vào diệu chân như tánh, vì thế Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Pháp cũng có tên là nội trần, nương theo trần tất phải có sở, năng sở không viên dung nhập một, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Ma ha Ca-diếp quán trần cảnh thay đổi tiêu diệt, ngộ biết tất cả đều không có tự tánh. Tôn giả dùng cái tâm đã giác ngộ tánh

không vào định diệt tận, thì liền nhận thấy, do nhân duyên phân biệt, mà biến hiện ra các sự vật, ra thời gian, ra không gian, ngoài phân biệt ra, thì vốn không có gì, nên ngài phá trừ được pháp chấp, chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quan về pháp trần, thì khó về dung hợp được năng tri và sở tri, dung hợp được quán trí và quán cảnh, vì thế, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

**Chi 4:** *Lựa ra năm căn.*

Bốn câu “Cái thấy tuy rộng suốt rất xa, nhưng thấy trước mà không thấy sau, bốn bề còn thiếu mất một nửa, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả A-na-luật đà quán về tánh thấy, phát minh tánh thấy bản lai cùng khắp mười phương, không có sinh diệt, không có năng sở mà chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quán về tánh thấy, không nhận rõ tánh bản minh

không theo các căn, chỉ gá nơi căn mà phát hiện, nên thường mắc míu ở chỗ cái thấy chỉ thấy được phía sau, vì thế, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Mũi có thở ra và thở vào, chặng giữa hiện không có hơi thở, nếu không viên dung sự cách bức, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Bàn-đặc-ca quán cái hơi thở cùng tột các sinh diệt, ngộ được tâm tánh bất sinh, bất diệt và chứng được tánh viên thông, nhưng hàng sơ tâm quán hơi thở, thì thấy lúc thở ra, thở vào thì có, còn ở chặng giữa, không thở ra, không thở vào thì không có, với hơi thở gián đoạn như thế, hàng sơ tâm khó bề đi đến diệu chân như tánh thường trụ, không thay đổi, do đó, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Ngoài sở nhập tánh nếm không thành, nhân các vị mới có hay biết, không có vị rất ráo không có, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Kiều-phạm-bát-đề quán tánh biết vị, không phải tâm, không phải vật, duyên khởi như huyễn, nên chứng được tánh viên thông, hàng sơ tâm quán về căn thiện thì gặp khó khăn, vì thiệt căn đối với vị trần mà có, ngoài vị trần ra, không còn gì đáng gọi là thiệt căn, vì thế, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Thân biết xúc với cảnh sở xúc, đều có hạn không phải cùng khắp, nếu không nhận tánh không bờ bến, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Tất-lăng-già-bà-ta, trong lúc thâm tâm vào chánh quán, bị gai độc đâm vào chân, sinh tâm biết đau, thì nhận rõ cái đau và cái biết đau đều do nhân duyên phân biệt biến thành, không

có tự tánh nơi tâm không phân biệt, thật không có gì đáng gọi là cái đau và cái biết đau, do đó, Tôn giả thâm niệm không bao lâu, đã chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quán về cái thân căn biết cảm xúc, thì gặp khó khăn, vì cái biết xúc và cái xúc đều có hạn lượng từng nơi, từng chỗ, không phải cùng khắp, nếu không nhận được bản tánh của thân căn cùng khắp pháp giới, không có bờ bến, thì không thể chứng được tánh viên thông, vì vậy, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Ý căn xen với các loạn tưởng, đứng lặng rốt cuộc không thấy gì, nếu không thoát được các tưởng niệm, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Tu-bồ-đề tu pháp quán không, đến khi phát minh tánh giác là chân không, tánh không là chân giác, thoát ly cái có và cái không, thì chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quán về ý căn, thì khó thoát khỏi các vọng tưởng, khi ý sinh thì tất cả đều có, khi thâm niệm thì tất cả đều không, những vọng tưởng là có, là không, thay đổi nhau mà phát hiện, khó thoát ra được, vì thế, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

**Chi 5:** *Lựa ra sáu thức.*

Bốn câu “Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần, gạn cùng vốn không có tự tướng, cả tự thể còn không nhất định, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, nhãn thức do nhãn căn duyên với sắc trần mà phát khởi ra, nếu không có căn trần duyên nhau, thì nhãn thức không do đâu mà phát khởi được. Nhãn thức theo duyên mà sinh, không có tự tướng, không có tự thể, hàng sơ tâm rất khó nương vào nhãn thức mà tu tập, để phát minh trí tuệ như Tôn giả Xá-lợi-phất và chứng được tánh viên thông. Vì thế Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Tâm nghe rộng thấu cả mười phương, là do sức hoằng thệ rộng

lớn, sơ tâm không thể đến chỗ ấy, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Bồ-tát Phổ hiền đã chứng vào pháp giới tánh, do đại nguyện rộng lớn, nghe khắp mười phương, hộ trì các chúng sinh phát tâm Bồ-đề, hàng sơ tâm không thể làm được việc đó, nên Bồ-tát Văn- thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Quán đầu mũi vốn là duyên cố, chỉ để thâu tâm được an trụ, nếu cảnh quán lại thành sở trụ, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Tôn-đà-la-nan-đà thông suốt giáo lý của Phật, chỉ vì tâm thường tán loạn, nên chưa thật chứng, Phật dạy Tôn giả quán đầu mũi trắng, cốt để Tôn giả thâu giữ tâm niệm, đối trị lòng tán loạn, đi

đến dung hợp quán trí và quán lý, chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm trong lúc thâu giữ tâm thường mắc mứu vào quán cảnh, khó thoát ra được, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Thuyết pháp diệu dụng các danh từ, cốt phải đã được khai ngộ trước, nếu lời nói không phải vô lậu, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Phú-lâu-na tu pháp môn thuyết pháp, vì Tôn giả đã tỏ ngộ đầy đủ các đạo lý của Phật, do ý nghĩ và lời nói của Tôn giả luôn luôn đúng với pháp Phật, nên trong lúc thuyết pháp, Tôn giả tự huân tập chủng tử vô lậu, đi đến chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm chưa rõ pháp Phật, thường mắc mứu trong các danh từ, khó bề tu chứng pháp môn thuyết pháp có kết quả, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Giữ giới chỉ câu thúc cái thân, ngoài cái thân lấy gì câu thúc, vốn không phải cùng khắp tất cả, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Ưu-ba-ly giữ giới thanh tịnh, cho đến cả thân và tâm đều yên lặng sáng suốt, do đó, chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu pháp trì giới, chỉ biết câu thúc cái thân, thì giác quán bị ràng buộc với thân căn khó thoát ra được, chính vì hàng sơ tâm khó quán cội gốc phiền não, giữ tâm giới được thanh tịnh, nên Bồ-tát Văn- thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Thần thông do túc tập từ trước, nào dính gì ý thức phân biệt, tưởng niệm không thoát ly sự vật, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Mục-kiền-liên đã nhiều đời tu tập thiền định, phát ra thần thông, nhân nghe bài kệ “nhân duyên” ngộ được tất cả sự vật đều duyên khởi như huyễn và chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu pháp môn này, thường mắc mứu vào các sự vật, do thần thông biến hóa, khó do những biến hóa đó mà chứng được pháp tánh duyên khởi như huyễn, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

**Chi 6:** *Lựa ra bảy đại.*

Bốn câu “Nếu quán cái tánh của địa đại, thì nó ngăn ngại không thông suốt, pháp hữu vi không phải chân tánh, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Bồ-tát Trì Địa nhân quán vi trần tạo ra thân thể và vi trần tạo thành thế giới, đều như nhau không khác, nên diệt các phân biệt, ngộ được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quán về địa đại, thấy nó ngăn ngại không thông suốt, lại thấy nó là pháp hữu vi theo duyên mà sinh diệt, nên khó bề chứng được diệu chân như tánh, vì thế Bồ-tát

Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Nếu quán cái tánh của thủy đại, quán tưởng đâu phải là chân thật, nếu không đi đến diệu chân như, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là,



Đồng tử Nguyệt Quang quán về thủy đại, thấy chất nước tạo thành thân thể và chất nước trong mười phương thế giới, đều như nhau không khác, đi đến ngộ được tánh thủy là chân không, tánh không là chân thủy và chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu pháp quán này, dễ mắc vào quán cảnh, khó bề nhận được bản tánh như như bình đẳng, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Nếu quán hỏa đại trừ dâm dục, chán cái có không phải thật ly, phương tiện không hợp với sơ tâm, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Tôn giả Ô-sô-sất-ma tu pháp quán về hỏa đại, hóa được lòng đa dâm thành lửa trí tuệ, chứng vào tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu theo pháp này, thường mắc vào sự nhầm chán cái có và khó ra khỏi cái có, cái không, thiết thực thoát ly được nội thân, ngoại cảnh, đi đến không còn gì phải thoát ly nữa. Vì thế, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Nếu quán cái tánh của phong đại, động tĩnh đâu phải không đối đãi, đối đãi trái với vô thường giác, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Bồ-tát Lưu Ly Quang quán cái thân, cái tâm và thế giới đều do sự lay động giả dối hiện ra. Do tất cả đều giả dối hiện ra, nên sự thật không hiện ra một cái gì. Do tất cả đều là lay động, nên không còn cái gì gọi là lay động, nhân đó mà Bồ-tát chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm quán về không đại, khó bề tiêu diệt cái đối đãi giữa lay động và không lay động, mà đã là đối đãi thì không phải thường, không phải một, trái với tánh viên thông, nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Nếu quán cái tánh của thức đại, thức sinh diệt đâu phải thường trụ, để tâm trong phân biệt hư vọng, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Bồ-tát Di-lặc tu pháp quán duy thức, ngộ được tất cả sự vật, đều do phân biệt biến hiện, không phải một, không phải khác, không phải có, không phải không, do đó, chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu về thức đại thì gặp khó khăn, vì thức là sinh diệt, không phải thường trụ và thức có nhiều phân biệt hư vọng, không phải vô phân biệt, vì thế, Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Bốn câu “Tất cả các hành đều vô thường, tưởng niệm vốn trong vòng sinh diệt, nhân và quả khác nhau như thế, thì làm sao được tánh viên thông?” nghĩa là, Bồ-tát Đại Thế Chí tu pháp niệm Phật, luôn luôn phát ra những tưởng niệm giác ngộ huân tập tự tâm, do đó, chứng được tánh viên thông. Hàng sơ tâm tu về pháp môn này, dễ mắc vào sự tưởng, mắc vào các tưởng niệm sinh diệt, thì nhân các sinh diệt ấy, khó đưa đến quả thường trụ, vì thế nên Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

#### **Đoạn 4: Chọn Lấy Cái Căn Viên Thông**

**Chánh văn:**

**Chi 1:** *Hợp với giáo thể cõi Ta-bà.*

*Con nay xin bạch Đức Thế Tôn Phật ra đời trong cõi Ta-bà Trong cõi này lối dạy chân thật Thanh tịnh do chỗ nói và nghe Nay muốn tu chứng Tam-ma-đề Thật nên do cái nghe mà vào.*

**Chi 2:** *Xưng tán Bồ-tát Quán Thế Âm.*

*Rời cái khổ và được giải thoát Hay thay Bồ-*

tát Quán Thế Âm Trong kiếp số như cát sông  
Hàng Vào cõi Phật như số vi trần Được diệu lực  
tự tại lớn lao

Bồ thí vô úy cho chúng sinh

Quán Thế Âm, tiếng thật nhiệm mầu Tiếng  
trong sạch và tiếng hải trào Cứu đời, mọi việc được  
yên lành Xuất thế gian, được quả thường trụ.

**Chi 3:** Xưng tán nhĩ căn.

Con nay kính bạch Đức Như Lai Như Bồ-  
tát Quán Âm vừa nói Ví như có người trong yên  
lặng

Chung quanh mười phương đều đánh trống Thì đồng  
thời nghe khắp mười phương

Như thế mới là viên chân thật Mắt bị ngăn  
che không thấy được Thiệt căn, tỷ căn cũng như  
vậy Thân căn, lúc hợp mới biết xúc

Ý căn, phân vân không manh mối Cách tường,  
nhĩ căn vẫn nghe tiếng Dâu xa, dẫu gần, đều nghe  
được Năm căn so sánh thật không bằng Như thế,  
mới là thông chân thật Tánh thanh trần, có động,  
có tĩnh

Trong tánh nghe thành có, thành không Khi không  
tiếng, gọi là không nghe Đâu phải thật không còn tánh  
nghe Không tiếng, tánh nghe đã không diệt Có tiếng,  
tánh nghe đâu phải sinh

Trợn rời cả hai thứ sinh diệt

Như thế, mới là thường chân thật Dẫu cho,  
trong lúc đương ngủ mê Không vì không nghĩ, mà  
không nghe Tánh nghe ra ngoài sự suy nghĩ Thân, ý  
không thể so bằng được.

**Chi 4:** Chuyển mê thành ngộ.

Hiện nay trong cõi Ta-bà này

Các thứ thanh luận được truyền bá Do chúng  
sinh bỏ mất tánh nghe Theo thanh trần, nên bị lưu  
chuyển A-nan tuy có tánh nhớ giỏi

Vẫn không khỏi mắc các niệm tà Há không  
phải tùy chỗ chìm đắm

Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng A-nan!

Ông hãy nghe cho kỹ

Nay Ta nương uy lực của Phật Tuyên nói pháp  
tam muội chân thật

Chắc như kim cương vương, như huyễn Không  
nghĩ bàn, xuất sinh chư Phật Ông nghe tất cả pháp bí  
mật

Của chư Phật số như vi trần Nếu trước hết,  
không trừ dục lậu

Nghe nhiều, chứa chấp thành lầm lỗi Dùng cái  
nghe thọ trì pháp Phật

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Sao lại không tự nghe cái nghe? Tánh nghe không phải tự nhiên sinh

Nhân thanh trần mà có danh hiệu Xoay cái nghe, thoát ly thanh trần Cái thoát ly ấy, gọi là gì?

Một căn, đã trở về bản tánh Thì cả sáu căn, được giải thoát

Thấy, nghe như bệnh lòa huyễn hóa Ba cõi như hoa đốm hư không

Xoay tánh nghe, gốc lòa tiêu trừ Trần tướng tiêu, giác tánh viên tịnh Tội thanh tịnh, trí quang thông suốt Thể tịch chiếu trùm khắp hư không Trở lại xem các việc thế gian

Thật giống như chiêm bao không khác Nàng Ma-đăng-già là chiêm bao

Thì còn ai bắt ông được nữa? Như các huyễn sư khéo trong đời Làm trò, thành ra các nam, nữ Tuy thấy các căn đều cử động Cốt yếu, do cái máy giật dây Nghỉ máy, tất cả đều yên lặng Các trò, trở thành không có tánh Cả sáu căn cũng giống như thế

Vốn đều nương một tánh tinh minh Chia ra thành sáu thứ hòa hợp Một nơi, đã rời bỏ quay về

Thì cả sáu, đều không thành lập Trong một niệm, trần cấu đều tiêu

Chuyển thành tánh Viên minh tịnh diệu Còn sót trần cấu là học vị

Sáng suốt cùng tột, tức Như Lai Hối đại chúng và A-nan

Hãy xoay lại cái nghe điên đảo Xoay cái nghe về, nghe tự tánh Nhận tự tánh, thành đạo vô thượng Thật tánh viên thông là như thế.

**Chi 5:** Chọn lấy nhĩ căn làm phương tiện thích hợp.

Đây thật là một đường thẳng tiến Vào Niết-bàn của vi trần Phật

Các Đức Như Lai trong quá khứ Đều đã thành tựu pháp môn này Các vị Bồ-tát trong hiện tại Đều viên minh vào pháp môn ấy Những người tu học đời vị lai

Đều nên nương theo pháp môn đó Con cũng do pháp ấy mà chứng Đâu chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm Thật như lời Đức Phật Thế Tôn Đã hỏi con về các phương tiện Để cứu giúp, trong đời mạt pháp

Những người cầu pháp xuất thế gian Thành tựu được tâm tánh Niết-bàn Bồ-tát Quán Thế Âm là hơn cả

Còn tất cả các phương tiện khác Đều nhờ

*uy thân của Phật*

*Tức nơi sự, rời bỏ phiền não*

*Không phải pháp tu học thường xuyên Nông hay  
sâu cũng đồng nghe được.*

**Chi 6:** *Đảnh lễ cầu gia bị.*

*Xin đảnh lễ tánh Như Lai tạng Vô lậu,  
không còn sự nghi bần Nguyên gia bị cho đời  
vị lai*

*Nơi pháp môn này, không lầm lẫn Đây là  
phương tiện để thành tựu Nên đem dạy Tôn giả A-  
nan*

*Cùng những kẻ trầm luân kiếp cuối Chỉ dùng  
nhĩ căn mà tu tập,*

*Thì viên thông chóng hơn pháp khác, Tâm tánh  
chân thật là như thế.*

**\* Chú thích:**

**Chi 1:** *Hợp với giáo thể cõi Ta-bà.*

Sáu câu “Tôi nay xin bạch Đức Thế Tôn, Phật ra đời trong cõi Ta- bà, trong cõi này lối dạy chân thật, thanh tịnh do chỗ nói và nghe, nay muốn tu chứng Tam-ma-đề, thật nên do cái nghe mà vào” nghĩa là, Bồ- tát Văn-thù sau khi lựa bỏ hai mươi bốn pháp môn trước, cho là không thích hợp, thì nhận định Phật ra đời ở cõi Ta-bà, và trong cõi này Phật dùng lời nói mà thuyết pháp, còn chúng sinh thì dùng cái nghe mà lãnh

thọ. Chúng sinh đã đem cái nghe lãnh thọ pháp Phật, thì cũng nên dùng cái nghe để tu chứng Tam-ma-đề.

**Chi 2:** *Xưng tán Bồ-tát Quán Thế Âm.*

Sáu câu “Rời cái khổ và được giải thoát, hay thay Bồ-tát Quán Thế Âm, trong kiếp số như cát sông Hằng, vào cõi Phật như số vi trần, được sức tự tại rất to lớn, bố thí vô úy cho chúng sinh” cốt tán thán công đức của Bồ-tát Quán Thế Âm tu chứng theo nhĩ căn, được giải thoát khỏi các phiền não mê lầm, nên đầy đủ sức tự tại to lớn, bố thí cái “Không e sợ” cho tất cả chúng sinh nơi vô lượng cõi Phật trong hằng sa kiếp.

Bốn câu “Quán Thế Âm tiếng thật nhiệm mầu, tiếng trong sạch và tiếng hải trào, cứu đời mọi việc được yên lành, xuất thế gian được quả thường trụ” tức khen ngợi Bồ-tát Quán Thế Âm chứng được tánh nghe nhiệm mầu, nên phát ra tiếng nói nhiệm mầu, tiếng nói thanh tịnh, tiếng nói ứng cơ hợp thời như nước thủy trào, cứu giúp thế gian được mọi sự an lành, nhưng vẫn không rời tự tánh thanh tịnh.

**Chi 3:** *Xưng tán nhĩ căn.*

Sáu câu “Tôi nay kính bạch Đức Như Lai, như Bồ-tát Quán Thế Âm vừa nói, ví như có người trong yên lặng, chung quanh mười phương đều đánh trống, thì đồng thời nghe khắp mười nơi, như thế mới là viên chân thật”, cốt chỉ rõ cái nhĩ căn hiện tiền vẫn viên dung cùng khắp, hơn hẳn các căn khác, một người ở nơi yên lặng, nếu cả mười phương đều đánh trống, thì vẫn nghe tiếng trống khắp mọi nơi, không thiếu một chỗ nào, điều ấy chứng tỏ cái nghe hiện tiền thật là viên mãn cùng khắp mười phương, không thiếu một phương nào.

Tám câu “Mắt bị ngăn che không thấy được, thiệt căn - tử căn cũng như vậy, thân căn lúc hợp mới biết xúc, ý căn phân vân không manh mối, cách

tường nhĩ căn vẫn nghe tiếng, dầu xa gần gần đều nghe được, năm căn so sánh thật không bằng, như thế mới là thông chân thật”, cốt so sánh các căn khác với nhĩ căn, thấy con mắt bị ngăn che, cách trở nên không thấy, cho đến thiệt căn và tử căn bị cách trở, cũng không biết vị và không biết hương, thân căn khi hợp thì biết, khi ly thì không biết, còn ý căn thì niệm niệm sinh diệt, thay đổi mãi mãi, khó tìm ra manh mối, duy có nhĩ căn, cách tường vẫn nghe tiếng, dầu xa, dầu gần đều nghe được rõ ràng, nhĩ căn thật là thông suốt, năm căn không thể bằng được.

Tám câu “Tánh thanh trần có động có tĩnh, trong tánh nghe thành có thành không, khi không tiếng gọi là không nghe, đâu phải thật không

còn tánh nghe, không tiếng tánh nghe đã không diệt, có tiếng tánh nghe đâu phải sinh, trọn rời cả hai thứ sinh diệt, như thế mới là thường chân thật”, nghĩa là thanh trần có động, có tĩnh, nên trong tánh nghe thành ra lúc có tiếng, lúc không tiếng, khi không có tiếng, người thế gian thường mê lầm gọi là không nghe, nếu thật không còn tánh nghe, thì lấy gì biết được là không có tiếng. Tánh nghe, nghe có tiếng, tánh nghe, nghe không tiếng, tánh nghe lúc nào cũng thường trụ, không vì có tiếng hay không có tiếng mà có thay đổi. Thanh trần diệt, tánh nghe đã không diệt, thì thanh trần sinh, tánh nghe vốn không sinh, bản tánh của cái nghe ra ngoài sinh diệt như thế, nên thật là thường trụ.

Bốn câu “Dầu cho trong lúc đương ngủ mê, không vì không nghĩ mà không nghe, tánh nghe ra ngoài sự suy nghĩ, thân ý không thể so bằng được”, chỉ rõ tánh nghe luôn luôn tồn tại, ra ngoài cái sự phân biệt, dầu cho trong lúc ngủ mê, ý thức không còn phân biệt, nhưng tánh nghe vẫn nguyên vẹn, nên đến khi nghe tiếng chày, lại chiêm bao lầm là tiếng trống. Bản tánh của cái nghe ra ngoài các sự phân biệt như thế, chẳng những các căn khác, mà cả ý căn trong vòng phân biệt, cũng không thể bị được.

**Chi 4:** *Chuyển mê thành ngộ.*

Tám câu “Hiện nay trong cõi Ta-bà này, các thứ thanh luận được truyền bá, do chúng sinh bỏ mất tánh nghe, theo thanh trần nên bị lưu chuyển, A-nan tuy có tánh nhớ dai, vẫn không khỏi mắc các tà niệm, há không phải tùy chỗ chìm đắm, xoay ngược dòng thoát khỏi hư vọng” nghĩa là, trong cõi Ta-bà này, hiện có nhiều ngoại đạo truyền bá những thanh luận như “Thanh sinh luận”, “Thanh hiển luận”. Các ngoại đạo này nhận được “Danh ngôn cảnh”, tức là cái cảnh danh từ và lời nói, rồi lầm nhận do các danh từ, lời nói nên mới có sự này, vật khác. Vì thế, nên các ngoại đạo truyền bá cái luận “Thanh sinh” thì cho do cái tiếng mà sinh ra có sự vật. Sau khi luận “Thanh sinh” bị bác, thì ngoại đạo đưa ra luận “Thanh hiển”, cho do cái tiếng mà tỏ bày ra các sự vật. Tất cả các thanh luận ấy, đều do chúng sinh mê lầm không nhận được tánh nghe bản lai thường trụ và chỉ theo thanh trần sinh diệt, rồi lầm nhận do thanh trần mà phát sinh, mà tỏ bày tất cả sự vật, trong đó có cả tánh nghe. Do chúng sinh bỏ mất tánh nghe thường trụ đi theo thanh trần sinh diệt, nên phải luân hồi mãi mãi. Chúng sinh mê theo cái tiếng mà bỏ cái nghe như thế, còn Tôn giả A-nan tuy được nghe nhiều pháp Phật, ghi nhớ không quên, nhưng vẫn còn mắc vướng vào những tướng danh từ, chưa thoát khỏi các vọng niệm. Song, tu hành là đi ngược lại dòng

hư vọng, trở về chỗ chân thật, nay Tôn giả A-nan và các chúng sinh bị chìm đắm trong danh từ, bỏ mất tánh nghe, thì tốt hơn hết là xoay ngược dòng lại, thoát

ly thanh trần, thoát ly danh từ để trở về tánh nghe thường trụ, như thế mới là tùy chỗ chìm đắm, xoay ngược dòng để thoát khỏi hư vọng, để trở về chỗ chân thật.

Năm câu “A-nan ông hãy nghe cho kỹ, nay tôi nương uy lực của Phật, tuyên nói pháp Tam muội chân thật, chắc như kim cương vương như huyền, không nghĩ bàn xuất sinh chư Phật”, nghĩa là cốt nhắc nhở Tôn giả A-nan phải nghe cho kỹ những câu kệ sau đây, chỉ dạy pháp Tam muội chân thật là pháp như huyền Tam-ma-đề, pháp Tam-ma-đề này ra ngoài cái có, cái không, cái năng, cái sở, dứt các đối đãi. Ra ngoài lời nói và ý nghĩ, pháp Tam-ma-đề này vững chắc như Kim cương vương, phá được tất cả mê chấp phân biệt và không bị một sự vật nào phá nổi, pháp Tam-ma-đề này xuất sinh chư Phật, vì tam thế chư Phật đều do như huyền Tam-ma-đề mà chứng được căn bản trí, hậu đắc trí, nhất thiết chủng trí, viên mãn vô lượng vô biên công đức, đi đến viên thành Phật đạo.

Sáu câu “Ông nghe tất cả pháp bí mật, của chư Phật số như vi trần, nếu trước hết không trừ dục lậu, nghe nhiều chứa chấp thành lầm lỗi, dùng cái nghe thọ trì pháp Phật, sao lại không tự nghe cái nghe?” cốt để cho Tôn giả A-nan rõ: Phàm học đạo, cốt để biết đường tu tập, nếu học đạo mà không tự mình tu tập, thì không khác gì một người chỉ nói ăn mà không ăn, rốt cuộc không thể no được. Tôn giả A-nan nghe nhiều, nhớ nhiều pháp Phật, nhưng nếu không tu tập diệt trừ dục lậu, thì pháp Phật một đường, tâm niệm một ngã, có thể đi đến dùng ý thức mà phân biệt pháp Phật, phát sinh rất nhiều lầm lỗi. Hai chữ dục lậu ở đây có nghĩa năm dục và ba lậu, tức là dục lậu, hữu lậu vô minh lậu, năm dục nằm trong dục lậu, nhưng nay nêu riêng ra là vì Tôn giả A-nan bị huyền thuật nàng Ma-đăng-già, đã không giữ được tâm thanh tịnh và gần phá giới thể. Tôn giả A-nan từ lâu dùng cái nghe mà thọ trì pháp Phật, nhưng vẫn không khỏi cái nạn Ma-đăng-già, vì thế, nên Bồ-tát Văn-thù dạy Tôn giả A-nan phải tự nghe cái nghe của mình, đi đến thật chứng tánh nghe, viên thành đạo quả.

Sáu câu “Tánh nghe không phải tự nhiên sinh, nhân danh thanh trần có danh hiệu, xoay cái nghe thoát ly thanh trần, cái thoát ly ấy gọi là gì? Một căn đã trở về bản tánh, thì cả sáu căn được giải thoát” nghĩa là, tánh nghe tuy bản lai không sinh, không diệt, không phải có, không phải không, không phải năng, không phải sở, do chúng sinh bỏ

mất tánh nghe, nên tạo thành các tướng năng văn và sở văn, đối đãi với nhau. Tướng năng văn (biết nghe) nương với thanh trần sở văn (bị nghe) mà có, tướng năng văn không phải tự nhiên mà sinh ra, nó đối với thanh trần mà phát hiện, do đó, mới có danh từ gọi nó là năng văn. Nếu quán về tánh nghe, vào được dòng viên thông, không còn phân biệt, thì hai tướng động, tĩnh nơi thanh trần không còn tồn tại, tướng sở văn đã không còn, thì tướng năng văn đối với gì mà thành lập, chừng ấy, chỉ còn tánh giác thanh tịnh, bản lai không có năng, sở và các tướng năng văn, sở văn chỉ là những sự vật duyên khởi trong giác tánh, như huyền như hóa không có tự tánh. Như thế là nhĩ căn đã trở về bản tánh vô phân biệt, trí vô phân biệt đã hiện tiền, thì tất cả các tướng năng, sở ở các căn khác đều không thể thành lập và cả sáu căn đều được giải thoát.

Bốn câu “Thấy nghe như bệnh lừa huyền hóa, ba cõi như hoa đốm hư không, xoay tánh nghe gốc lừa tiêu trừ, trần tướng tiêu giác tánh viên tịnh”, nghĩa là các tướng năng phân biệt khác, đối với giác tánh, đều như bệnh lừa huyền hóa và các tướng ba cõi, do phân biệt tạo thành, thật không khác gì hoa đốm giữa hư không. Vì vậy, khi xoay cái nghe trở về bản tánh, không còn năng, sở, không còn phân biệt, thì cái cõi gốc bệnh lừa phân biệt được tiêu trừ, do đó,

các trần tướng hoa đốm đều tiêu diệt và giác tánh bản lai viên dung thanh tịnh được tỏ bày.

Sáu câu “Tột thanh tịnh trí quang thông suốt, thể tịch chiếu trùm khắp hư không, trở lại xem các việc thế gian, thật giống như chiêm bao không khác, nàng Ma-đăng-già là chiêm bao, thì còn ai bắt ông được nữa?”, nghĩa là càng đi sâu vào tánh viên thông, không còn phân biệt, thì trí tuệ càng thêm sáng suốt, chứng được tâm tánh bản lai yên lặng, biến hiện ra tất cả các sự vật như huyền như hóa, nhưng vẫn không hề thấy có một sự vật nào, đó là thể tánh tịch chiếu của tự tâm trùm khắp mười phương hư không, không còn một sự gì, vật gì ở ngoài thể tánh tịch chiếu được. Trong thể tánh tịch chiếu, trí tuệ trở lại xem các sự vật thế gian, thì toàn thể các sự vật thế gian đều như cảnh chiêm bao không khác. Cảnh chiêm bao do ý thức biến hiện, hình như có, nhưng không thật có, có thể dùng để làm ví dụ với cảnh thế gian do phân biệt biến hiện, hình như có, chứ không thật có. Đến chỗ đó, thì toàn thể sự vật thế gian như là chiêm bao, nàng Ma-đăng-già cũng là chiêm bao, còn có sự gì, vật gì sinh ra được phiền não mê lầm, còn có ai mà bắt Tôn giả A-nan được nữa.

Sáu câu “Như các huyền sư khéo trong đời, làm trò thành ra các trai gái, tuy thấy các căn đều cử động, cốt yếu do cái máy dật dây, nghỉ

máy tất cả đều yên lặng, các trò trở thành không có tánh”, cốt dùng huyền sư dật dây để ví dụ cái phân biệt giả dối, dùng các trò huyền để ví dụ với các tướng thế gian. Các nhà huyền thuật dật dây, làm cho các hình tượng trò huyền cử động như người thật, thì ví dụ với cái phân biệt giả dối vọng động tạo thành các sự vật thế gian. Các nhà huyền thuật nghỉ giạt dây, thì tất cả các trò huyền đều yên lặng, không thành cái trò gì cả, cũng như dẹp được cái phân biệt giả dối, thì các sự vật thế gian đều không thành lập được.

Năm câu “Cả sáu căn cũng giống như thế, vốn đều nương một tánh tinh minh, chia ra thành sáu thứ hòa hợp, một nơi đã rời bỏ quay về, thì cả sáu đều không thành lập”, nghĩa là đem cái ví dụ trước hợp lại với sáu căn hiện tiền, thì thấy rõ sáu căn vốn đồng một thể tánh bản minh, do nhân duyên giả dối chia thành sáu thứ căn đối đãi với mỗi mỗi trần, nếu một căn trở về bản tánh, không phân biệt năng, sở, thì cả sáu căn đều không thành lập được.

Bốn câu “Trong một niệm trần cấu đều tiêu, chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu, còn sót trần cấu là học vị, sáng suốt cùng tột tức Như Lai”, nghĩa là chúng sinh bị cấu nhiễm là do thấy thật có tiền trần sở tri đối với cái tâm năng tri, vì thế, nên đến khi nhận được tánh không phân biệt, không còn năng, sở, thì trần tướng đều tiêu tan và tất cả những cấu nhiễm do trần tướng gây ra, đều không còn nữa, chừng ấy, tất cả những sự biến hiện đều là chân tánh viên mãn sáng suốt thanh tịnh nhiệm mầu, toàn vọng tức là chân, không còn có điều gì sai khác. Các vị còn sót lại những trần cấu mê lầm, nghĩa là những tập khí mê chấp, là các bậc hữu học và vô học, đến khi sáng suốt cùng tột, diệt trừ tất cả các tập khí nhỏ nhiệm, nhập một với pháp giới tánh thì tức là Như Lai.

Nói tóm lại, bản tánh thanh tịnh không hề thêm bớt, bản tánh của chúng sinh và bản tánh của Phật đều bình đẳng không có gì sai khác, tu hành chỉ là trừ diệt những mê lầm phiền não và gột rửa những thói quen phiền não mê lầm, hết mê lầm tức là giác ngộ, không còn tìm đâu xa nữa.

Năm câu “Hỡi đại chúng và Tôn giả A-nan, hãy xoay lại cái nghe điên đảo, xoay cái nghe về nghe tự tánh, nhận tự tánh thành đạo vô thượng, thật tánh viên thông là như thế”, tức kêu gọi Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nên tu

pháp môn nhĩ căn viên thông, xoay cái năng văn, hằng ngày dong ruổi theo thanh trần, trở về quan sát trực nhận tánh nghe, tánh nghe hiện tiền, tức là thành đạo, lối tu chứng tánh viên thông

thiết thật là như vậy.

**Chi 5:** *Chọn lấy nhĩ căn làm phương tiện thích hợp.*

Mười câu “Đây thật là một đường thẳng tiến, vào Niết-bàn của vi trần Phật, các Đức Như Lai trong quá khứ, đều đã thành tựu pháp môn này, các vị Bồ-tát trong hiện tại, điều viên minh vào pháp môn ấy, những người tu học đời vị lai, đều nên nương theo pháp môn đó, tôi cũng do pháp ấy mà chứng, đâu chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm”, cốt để tán thán pháp tu nhĩ căn viên thông là phổ biến, ba đời chư Phật như số vi trần, đều do chứng tánh viên thông nơi mười tám giới, chứng tánh viên thông nơi nhĩ căn mà vào tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Các Đức Như Lai trong quá khứ đều đã thành tựu tánh viên thông nơi nhĩ căn, các vị Bồ-tát hiện tại đều đã sáng suốt chứng nhập tánh viên thông ấy, pháp tu chứng tánh viên thông nơi nhĩ căn có hiệu nghiệm như thế, nên tất cả những người tu học đời vị lai đều nên nương theo pháp môn ấy mà tu học. Bồ-tát Văn-thù lại nói thêm là chính Bồ-tát cũng do tu tập pháp môn nhĩ căn viên thông mà chứng quả, chứ không phải chỉ riêng một mình Bồ-tát Quán Thế Âm, để chỉ rõ người tu hành, lúc nào cũng phải tu chứng viên thông mới thành đạo quả. Tánh viên thông là một, nên đâu tu chứng tánh viên thông theo phương tiện nào, thì cũng chứng được tánh viên thông nơi nhĩ căn là rất cần thiết để viên thành đạo quả.

Sáu câu “Thật như lời Đức Phật Thế Tôn, đã hỏi con về các phương tiện, để cứu giúp trong đời mạt pháp, những người cầu pháp xuất thế gian, thành tựu được tâm tánh Niết-bàn, Bồ-tát Quán Thế Âm là hơn cả”, cốt tổng kết đáp lại lời Phật hỏi về các phương tiện rằng phương tiện tu hành của Bồ-tát Quán Thế Âm về nhĩ căn viên thông là hơn tất cả và có thể cứu giúp những người tu hành trong đời mạt pháp, chứng ngộ tâm tánh.

Năm câu “Còn tất cả các phương tiện khác, đều là nhờ uy thần của Phật, tức nơi sự rời bỏ phiền não, không phải pháp tu học thường xuyên, nông hay sâu cũng đồng nghe được”, cốt lựa bỏ các phương tiện khác, tức nơi sự mà rời bỏ được phiền não. Các vị tu chứng theo các phương tiện này, cũng như các vị tu chứng nhĩ căn viên thông, đều nhờ uy thần của Phật gia bị mà được giác ngộ, vì tất cả các người tu hành, nếu không được chư Phật, Bồ-tát che chở hộ trì, thì khó mà thành tựu được. Song, những pháp môn phương tiện khác, chỉ thích hợp với một số người nhất định, do những khó khăn đã kể trên kia, nên không phải là pháp tu học thường xuyên, có thể dạy cho tất cả mọi người, dầu căn cơ nông hay sâu cũng đều nghe được.

**Chi 6:** *Đánh lễ cầu gia bị.*

Bốn câu “Xin đánh lễ tánh Như Lai tạng, vô lậu không còn sự nghĩ bàn, nguyện gia bị cho đời vị lai, nói pháp môn này không lầm lẫn”, nghĩa là vô lượng chư Phật, Bồ-tát trong mười phương ba đời, cũng như vô lượng chúng sinh đều do tánh Như Lai tạng biến hiện, tánh Như Lai tạng không có mê ngộ, nên thật là vô lậu, không có đối đãi nên không còn sự nghĩ bàn. Bồ-tát Văn-thù đánh lễ tánh Như Lai tạng, tức là đánh lễ pháp giới tánh, đánh lễ mười phương chư Phật, Bồ-tát, đánh lễ Phật tánh của tất cả các chúng sinh, Bồ-tát đánh lễ để cầu gia bị cho đời vị lai không lầm lẫn về pháp môn này.

Sáu câu “Đây là phương tiện để thành tựu, nên đem dạy Tôn giả A-nan,



cùng những kẻ trầm luân mạt kiếp, chỉ dùng nhĩ căn mà tu tập, thì viên thông chóng hơn pháp khác, tâm tánh chân thật là như thế”, cốt kết luận phương tiện tu hành về nhĩ căn để đi đến kết quả viên thông hơn các phương tiện khác, nên có thể dạy cho Tôn giả A-nan và những người chìm đắm đời mạt pháp, chỉ nên do nhĩ căn mà tu chứng. Câu “Tâm tánh chân thật là như thế”, cốt để chỉ rõ Bồ-tát Văn-thù đích xác từ tâm tánh thanh tịnh thật thấy như thế, thật biết như thế, chứ không phải chỉ lấy lý mà suy diễn.

Nói tóm lại, tâm tánh của tất cả chúng sinh luôn luôn là thanh tịnh, là viên dung, giống như tâm tánh của Phật, không có sai khác, chỉ vì chúng sinh không giác ngộ được tâm tánh ấy, lầm chia ra có năng, có sở, nên mới biến hiện ra có thân, có cảnh, có thế giới, có chúng sinh. Tâm tánh là một, nhưng phương tiện diệt trừ mê lầm, xoay về trực nhận tâm tánh, thì có nhiều pháp môn, tất cả các pháp môn đều đi đến chứng nhập tâm tánh, không có gì là hơn kém, nhưng đối với căn cơ của mỗi mỗi chúng sinh, thì hiệu quả của từng pháp môn có khác nhau, do đó, nên chia ra có thuận, có nghịch, có mau, có chậm, dầu sao tất cả các pháp môn cũng chỉ là phương tiện giúp cho trực nhận tâm tánh mà thôi. Bồ-tát Văn-thù lựa bỏ các pháp môn khác, cũng chỉ đối chiếu với căn cơ hiện tiền mà lựa bỏ và những khó khăn của Bồ-tát nêu ra cũng chỉ là những khó khăn đối với căn cơ hiện tiền, vì thế, dầu tu pháp môn nào, nếu biết vượt những khó khăn đó, thì nhất định cũng thành đạo chứng quả. Cuối cùng, Bồ-tát Văn-thù chọn pháp môn tu chứng tánh viên thông nơi nhĩ căn là thích hợp hơn cả. Bồ-tát đã nêu ra nhiều ưu điểm như thế, sự thật thì dầu tu chứng pháp môn nào, khi giác ngộ tánh viên thông nơi nhĩ căn, thì không có gì sai khác. Phương tiện tu chứng tánh viên thông là phương tiện chủ yếu để thành đạo chứng quả, vì thế nên

tất cả những người phát tâm tu hành pháp Phật đều nên nhận rõ bản tánh viên thông của mình, nương theo bản tánh ấy mà tu tập, thì Phật tánh hiển nhiên nơi tâm cảnh hiện tiền, chúng ta không cần tìm đâu xa nữa.

### **Đoạn 5: Nghe Pháp Được Chứng**

#### ***Chánh văn:***

Lúc ấy, A-nan cùng cả đại chúng, thân tâm tỏ rõ, nhận được sự khai thị to lớn, xem quả Bồ-đề và Đại Niết-bàn của Phật cũng như người nhân có việc phải đi xa, chưa trở về được, song đã biết rõ con đường về nhà. Trong pháp hội, tất cả đại chúng tám bộ trời, rồng, hàng Nhị thừa hữu học và tất cả các Bồ-tát mới phát tâm, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, đều được bản tâm xa trần tướng, rời cấu nhiễm, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo ni Tánh nghe kệ xong, thành quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô đẳng đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

#### ***\* Chú thích:***

Tôn giả A-nan và cả đại chúng nghe nói về các đường lối tu hành, lại nghe Bồ-tát Văn-thù phân tích rành mạch, thì chỗ giác ngộ càng thêm viên mãn, biết rõ con đường tu hành đi đến viên thành Phật quả, những chúng dự thính đều nhận được bản lai tâm tánh và đầy đủ con mắt trạch pháp, Tỳ-kheo-ni Tánh chứng quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề. Nói tóm lại, tất cả những người có ít nhiều văn tuệ đều được rất nhiều lợi ích trên đường tu chứng đạo Bồ-đề.

# LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

-----